**Phụ lục II**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** THCS NGÔ QUYỀN  **TỔ:** KHTN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC: TOÁN- KHỐI LỚP 8**

(Năm học 2020 - 2021)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 14; Số học sinh: 657 học sinh; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**: 0**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 8 ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0; Đại học: 8; Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: 8/8 ; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Bảng phụ | 04 | Các tiết học |  |
| 2 | Máy chiếu | 09 | Các tiết học |  |
| 3 | Máy soi | 04 | Các tiết học |  |
| 4 | Giác kế | 04 | Thực hành đo chiều cao một vật, đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất mà một điểm không thể đến được |  |
| 5 | Mô hình hình học không gian | 04 | Hình hộp chữ nhật; Hình lăng trụ đứng; Hình chóp đều và hình chóp cụt đều |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Bãi tập | 01 | Thực hành đo chiều cao một vật, đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất mà một điểm không thể đến được |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

**1. Phân phối chương trình**

**a, Đại số**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
|  | **§1.**Mở đầu về phương trình | 01 | **Kiến thức**  − Nhận biết được chương trình, hiểu nghiệm của phương trình: Một phương trình với ẩn x có dạng A(x) = B(x), trong đó vế trái A(x) và vế phải B(x) là hai biểu thức của cùng một biến x.  − Hiểu khái niệm về hai phương trình tương đương : Hai phương trình của cùng một ẩn được gọi là tương đương nếu chúng có cùng một tập hợp nghiệm.  **Kĩ năng**: Vận dụng được quy tắc chuyển vế và quy tắc nhân. |
|  | **§2.** Phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải |  | **Kiến thức:**  - Hiểu định nghĩa phương trình bậc nhất : ax + b = 0 (x là ẩn ; a, b là những hằng số, a ≠ 0) và nghiệm của phương trình bậc nhất. |
| 01 |
|  | **§3.** Phương trình đưa về dạng  ax+ b = 0  Luyện tập | 02 | **Kĩ năng**  − Có kĩ năng biến đổi tương đương để đ­a phương trình đã cho về dạng ax + b = 0. |
|  | **§4.** Phương trình tích  Luyện tập | 02 | **Kĩ năng**  − Có kĩ năng biến đổi tương đương để đ­a phương trình đã cho về dạng  tích A.B.C = 0 (A, B, C là các đa thức chứa ẩn), yêu cầu nắm vững cách tìm nghiệm của phương trình này bằng cách tìm nghiệm của các phương trình : A = 0, B = 0, C = 0. |
|  | **§5.** Phương trình chứa ẩn ở  mẫu thức  Luyện tập | 02 | **Kĩ năng**  − Giới thiệu điều kiện xác định (ĐKXĐ) của phương trình chứa ẩn ở mẫu và nắm vững quy tắc giải phương trình chứa ẩn ở mẫu :  + Tìm điều kiện xác định ;  + Quy đồng mẫu và khử mẫu ;  + Giải phương trình vừa nhận được ;  + Kiểm tra các giá trị của x tìm được có thoả mãn ĐKXĐ không và kết luận về nghiệm của phương trình. |
|  | Chủ đề: Giải bài toán bằng cách lập phương trình | 03 | **Kiến thức:**  Nắm vững các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình.  Bước 1 : Lập phương trình  + Chọn ẩn số và đặt điều kiện thích hợp cho ẩn số.  + Biểu diễn các đại lượng ch­ưa biết theo ẩn và các đại lượng đã biết.  + Lập phương trình biểu thị mối quan hệ giữa các đại lượng.  Bước 2 : Giải phương trình.  Bước 3 : Chọn kết quả thích hợp và trả lời. |
|  | Ôn tập giữa kì 2 | 01 | Hệ thống các kiến thức trong chương |
|  | **Kiểm tra giữa kỳ II** | 02 | * Hiểu về phương trình và phương trình bậc nhất một ẩn * Giải các phương trình đưa về dạng  ax+ b = 0; Phương trình tích; Phương trình chứa ẩn ở  mẫu thức * Giải bài toán bằng cách lập phương trình |
|  | **§1.** Liên hệ giữa thứ tự và phép cộng | 01 | **Kiến thức**: Nhận biết được bất đẳng thức.  **Kĩ năng:** Biết áp dụng một số tính chất cơ bản của bất đẳng thức để so sánh hai số hoặc chứng minh bất đẳng thức : a < b và b < c ⇒ a < c ; a < b ⇒ a + c < b + c ; a < b ⇒ ac < bc với c > 0 ; a < b ⇒ ac > bc với c < 0. |
|  | **§2.** Liên hệ giữa thứ tự và phép nhân  Luyện tập | 02 |
|  | **§3.** Bất phương trình một ẩn | 01 | **Kiến thức:** Nhận biết bất phương trình bậc nhất một ẩn và nghiệm của nó, hai bất phương trình tương đương.  **Kĩ năng**: Vận dụng được quy tắc chuyển vế và quy tắc nhân với một số để biến đổi tương đương bất phương trình. |
|  | **§4.** Bất phương trình bậc nhất một ẩn | 02 | **Kĩ năng**  − Giải thành thạo bất phương trình bậc nhất một ẩn.  − Biết biểu diễn tập hợp nghiệm của bất phương trình trên trục số.  − Sử dụng các phép biến đổi tương đương để biến đổi bất phương trình đã cho về dạng ax + b < 0, ax + b > 0, ax + b ≤ 0, ax + b ≥ 0 và từ đó rút ra nghiệm của bất phương trình. |
|  | Luyện tập | 01 |
|  | Phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối | 01 | **Kĩ năng**: Biết cách giải phương trình ⏐ax + b⏐= cx + d (a, b, c, d là những hằng số). |
|  | Ôn tập chương IV | 01 | Hệ thống kiến thức của chương |
|  | Ôn tập học kì II | 03 | * Hiểu về phương trình và phương trình bậc nhất một ẩn * Giải các phương trình đưa về dạng  ax+ b = 0; Phương trình tích; Phương trình chứa ẩn ở  mẫu thức; Giải bài toán bằng cách lập phương trình * Nhận biết được bất đẳng thức. * Biết áp dụng một số tính chất cơ bản của bất đẳng thức để so sánh hai số hoặc chứng minh bất đẳng thức * Nhận biết bất phương trình bậc nhất một ẩn và nghiệm của nó, hai bất phương trình tương đương.   Vận dụng được quy tắc chuyển vế và quy tắc nhân với một số để biến đổi tương đương bất phương trình. Giải thành thạo bất phương trình bậc nhất một ẩn. Biết cách giải phương trình ⏐ax + b⏐= cx + d |
|  | **Kiểm tra học kì II** | 02 |
|  | Trả bài kiểm tra học kì II (phần Đại số) | 02 |  |

**b, Hình học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
|  | **§4.** Diện tích hình thang. | 01 | **Kiến thức:** Hiểu cách xây dựng công thức tính diện tích hình thang, các hình khi thừa nhận (không chứng minh) công thức tính diện tích hình chữ nhật.  **Kĩ năng**: Vận dụng được công thức tính diện tích các hình đã học. |
|  | **§5.** Diện tích hình thoi | 01 | **Kiến thức:** Hiểu cách xây dựng công thức tính diện tích thoi khi thừa nhận (không chứng minh) công thức tính diện tích hình chữ nhật.  **Kĩ năng**: Vận dụng được các công thức tính diện tích các hình đã học. |
|  | **§6.** Diện tích đa giác | 01 | **Kĩ năng**: Biết cách tính diện tích của các hình đa giác lồi bằng cách phân chia đa giác đó thành các tam giác. |
|  | Chủ đề : Định lý Ta Lét trong tam giác  Định lý đảo và hệ quả của định lý Ta Lét | 03 | **Kiến thức:**  − Hiểu các định nghĩa: Tỉ số của hai đoạn thẳng, các đoạn thẳng tỉ lệ.  − Hiểu định lí Ta-lét.  **Kĩ năng**: Vận dụng được các định lí đã học. |
|  | Tính chất đường phân giác của tam giác  Luyện tập | 02 | **Kiến thức:**  − Hiểu tính chất đường phân giác của tam giác.  **Kĩ năng**: Vận dụng được các định lí đã học. |
|  | §4. Khái niệm hai tam giác đồng dạng | 01 | **Kiến thức**  − Hiểu định nghĩa hai tam giác đồng dạng.  − Hiểu các định lí về :  + Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác.  + Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. |
|  | §5. Trường hợp đồng dạng thứ nhất.  Luyện tập | 02 | **Kiến thức**  − Hiểu các định lí về :  + Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác.  **Kĩ năng**  − Vận dụng được các trường hợp đồng dạng của tam giác để giải toán. |
|  | Ôn tập giữa kì 2 | 02 |  |
|  | Kiểm tra giữa học kì II | 02 | Kiểm tra kiến thức về diện tích hình thang; hình thoi; định lí Ta-lét; tính chất đường phân giác của tam giác; Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác |
|  | §6. Trường hợp đồng dạng thứ hai. | 01 | **Kiến thức**  − Hiểu các định lí về :  + Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác.  **Kĩ năng**  − Vận dụng được các trường hợp đồng dạng của tam giác để giải toán. |
|  | §7. Trường hợp đồng dạng thứ ba. | 02 | **Kiến thức**  − Hiểu các định lí về :  + Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác. |
|  | §8. Các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông. Luyện tập | 02 | **Kiến thức**  − Hiểu các định lí về :  + Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác.  + Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. |
|  | §9. Ứng dụng thực tế của tam giác đồng dạng. | 01 | − Biết ứng dụng tam giác đồng dạng để đo gián tiếp các khoảng cách. |
|  | Thực hành (Đo chiều cao một vật, đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất, trong đó có một điểm không thể tới được) | 01 | **Kĩ năng**  Đo được chiều cao một vật, đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất, trong đó có một điểm không thể tới được |
|  | Ôn tập chương III | 01 | Ôn tập kiến thức về định lí Ta-lét; tính chất đường phân giác của tam giác; Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác |
|  | Hình hộp chữ nhật  Thể tích của hình hộp chữ nhật | 04 | **Kiến thức:** Nhận biết được các loại hình đã học và các yếu tố của chúng.  - Nhận biết được các kết quả được phản ánh trong hình hộp chữ nhật về quan hệ song song và quan hệ vuông góc giữa các đối t­ợng đ­ờng thẳng, mặt phẳng.  **Kĩ năng**:  − Vận dụng được các công thức tính diện tích, thể tích các hình đã học.  − Biết cách xác định hình khai triển của các hình đã học. |
|  | Hình lăng trụ đứng | 04 |
|  | Ôn tập học kì II | 03 | * Ôn tập kiến thức về diện tích hình thang; hình thoi; định lí Ta-lét; tính chất đường phân giác của tam giác; Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác. * Ôn tập các loại hình đã học và các yếu tố của chúng; Vận dụng được các công thức tính diện tích, thể tích các hình đã học |
|  | **Kiểm tra học kì II** | 02 | * Kiểm tra kiến thức về diện tích hình thang; hình thoi; định lí Ta-lét; tính chất đường phân giác của tam giác; Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác. * Kiểm tra; Vận dụng được các công thức tính diện tích, thể tích các hình đã học |
|  | Hình chóp đều và chóp cụt đều  Diện tích xung quanh chóp đều | 02 | **Kiến thức:** Nhận biết được các loại hình đã học và các yếu tố của chúng.  - Nhận biết được các kết quả được phản ánh trong hình hộp chữ nhật về quan hệ song song và quan hệ vuông góc giữa các đối t­ợng đ­ờng thẳng, mặt phẳng.  **Kĩ năng**:  − Vận dụng được các công thức tính diện tích, thể tích các hình đã học.  − Biết cách xác định hình khai triển của các hình đã học. |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Giữa Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 26 |  | viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 34 |  | viết trên giấy |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)